TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ – ST
Ngày 26 tháng 01 năm 2021
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Trưởng và ông Nguyễn Đức Nghị;
- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*.
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: **Chị Hà Thị Thanh H**, sinh năm 1996 (có mặt);
Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Bà Đinh Thị H1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt);
Bị đơn: **Anh Nguyễn Duy L**, sinh năm 1987 (có mặt);
Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Hà Thị Thanh H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 27/9/2007, chị và anh Nguyễn Duy L đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng ở riêng tại xã T, huyện T. Hai bên chung sống hạnh phúc khoảng 06 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do kinh tế khó khăn nên vợ chồng mỗi người phải đi làm ở một nơi dẫn đến nghi ngờ nhau và tình cảm phai nhạt. Đã nhiều

lần vợ chồng mâu thuẫn, cãi nhau và chị định làm đơn xin ly hôn anh nhưng được hai bên gia đình khuyên nhủ, bảo ban nên vợ chồng lại tiếp tục chung sống với nhau. Từ khoảng năm 2018 đến nay, chị đi làm ăn xa, anh L cũng thường xuyên đi làm, vợ chồng chị đã sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị xin ly hôn với anh L.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống chị và anh L có 02 (hai) con chung là cháu: Nguyễn Hà Duy S, sinh ngày 21/7/2009 và cháu Nguyễn Hà Anh Q, sinh ngày 06/6/2013. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q và cháu S đến khi thành niên. Chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- *Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Về phía bị đơn anh Nguyễn Duy L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh L xác nhận quá trình vợ chồng tìm hiểu, việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng và thời điểm ly thân như chị H trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh đề nghị xin được đoàn tụ để xây dựng lại hạnh phúc gia đình.

- *Về con chung:* Anh L xác nhận vợ chồng có con chung như chị H trình bày là đúng. Trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn, anh đồng ý với quan điểm của chị H về việc nuôi dưỡng, chăm sóc, cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Quan điểm của con chưa thành niên: Tại bản tự khai ngày 18/01/2021 tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cháu Nguyễn Hà Duy S trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố (anh L); cháu Nguyễn Hà Anh Q có nguyện vọng muốn được ở với mẹ (chị H).

[4]. Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:

Đồng ý với quan điểm của chị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh L và giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[5]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm :

- Về về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chị H và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa

thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh L. Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Q và cháu S cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn, Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị Thanh H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị xin ly hôn với anh Nguyễn Duy L. Căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 27/9/2007, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 (sáu) năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không chia sẻ, thấu hiểu và hòa hợp với nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, bảo ban nhưng anh chị không khắc phục được. Chị H và anh L đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, kể từ thời điểm ly thân anh, chị không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L có đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải và cho thêm thời gian để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn và đoàn tụ với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng hòa giải không thành, chị H không đồng ý rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Mặt khác, phía anh L cũng không đưa ra được giải pháp nào để khắc phục tình trạng vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ liên quan đến tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh L, chị H. Tại Biên bản làm việc ngày 30/12/2020, đại diện khu dân cư và chính quyền địa phương nơi anh L, chị H sinh sống xác nhận vợ chồng anh chị tồn tại nhiều mâu thuẫn, bất đồng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh L được ly hôn.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử

chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh L có 02 (hai) con chung là cháu: Nguyễn Hà Duy S, sinh ngày 21/7/2009 và cháu Nguyễn Hà Minh Q, sinh ngày 06/6/2013. Tại phiên tòa, chị H và anh L thống nhất trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Q và cháu S. Chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Mặc dù, nguyện vọng của cháu S là xin được ở với bố (anh L), cháu Q xin được ở với mẹ (chị H). Xong, xét thấy, hiện nay cháu S và cháu Q đang ở cùng chị H, sinh sống, học tập ổn định. Chị H và anh L thống nhất thỏa thuận với nhau về việc nuôi con sau khi ly hôn.

Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh L, giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với quy định tại các Điều: 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khi chị H, anh L có yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị H, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi chị H, anh L có yêu cầu thì anh, chị có quyền đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.4. Về án phí: Chị H là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.5. Về quyền kháng cáo: Anh L và chị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị Thanh H. Cho chị Hà Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Duy L.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Hà Duy S, sinh ngày 21/7/2009 và cháu Nguyễn Hà Minh Q, sinh ngày 06/6/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi từng cháu thành niên. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.
3. *Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Hà Thị Thanh H phải chịu 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2010/008832 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.
5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Hà Thị Thanh H và anh Nguyễn Duy L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.
6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai